

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **233/2020/HSST**

Ngày: 30/10/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch – hưu trí

Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – giáo viên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 237/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2020/QĐXXST-HS ngày 19/10/2020 đối với các bị cáo:

1/ Trương Đức N, sinh năm 1996 tại Quảng Bình.

HKTT: Thôn 1, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 9/12.

Con ông Trương Quang L và bà Trương Thị Y

Gia đình bị cáo có 05 chị em bị can là con thứ 5.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: 01, cụ thể:

Ngày 29/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 96/2017/HS-ST ngày 29/7/2017. Chấp hành xong Bản án ngày 28/8/2019.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 12/5/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom.

2/ Trần Quốc T, sinh năm 1994 tại Quảng Bình.

HKTT: Thôn 5, xã Thuyện M, tỉnh Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: phụ bếp; Học vấn: 9/12.

Con ông Trần Hữu D và bà Trương Thị L.

Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 4.

Có vợ tên Lê Thị B, sinh năm 1998

Bị cáo có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 12/5/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom.

* Bị hại: 1/ Anh **Trần Hoài L**, sinh ngày 31/12/2003

Người đại diện hợp pháp của bị hại Linh: Bà **Lê Tú T** – sinh năm 1979 và ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1971 (là cha, mẹ của bị hại L).

Cùng HKTT: Ấp T B, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2/ Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1994

Trú tại: Ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: 1/ Anh **Đinh Ngọc H**, sinh năm 2000

Trú tại: Số 1420, đường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Anh **Vòng Thanh L**, sinh năm 1988

Trú tại: Số 20/3/3 khu 3 ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt, anh L, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 11/5/2020, Trương Đức N và Trần Quốc T ngồi nhậu cùng anh Vòng Thanh L, L1, H (không rõ nhân thân, lai lịch) tại quán “Ốc Đêm” ở ấp T, xã H 3. Trong khi nhậu thì anh Trần Hoài L (sinh năm 2003) điều khiển xe mô tô chở anh Lê Trần Văn M, tại đây giữa N và anh M xảy ra mâu thuẫn nhưng được mọi người can ngăn nên hai bên đi về. Ngọc điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Excitex gắn biển số 73C1-066.78 chở T về, do bức tức anh M và anh L nên N rủ T về phòng trọ của T lấy hung khí để tìm chém anh M và anh L thì T đồng ý. Khi N chở T về đến phòng trọ lấy 01 con dao tự chế (T cất giấu từ trước) đựng trong bao kiềm bằng nhựa màu trắng (loại kiềm nhật) đưa cho N cầm còn T điều khiển xe mô tô chở N đi tìm anh M và anh L để chém. Khi T và N đi đến đoạn đường gần ngã 3 Yên Thế thuộc ấp T, xã H 3, huyện T, thì nhìn thấy anh L điều khiển xe mô tô biển số 60K4-2842 chở anh Nguyễn Văn T đi phía trước cùng chiều thì T điều khiển xe mô tô vượt lên bên trái xe anh L còn N dùng dao tự chế chém 01 nhát trúng vào tay trái của anh L gây thương tích, anh L bị loạng choạng tay lái ngã xuống đường. Sau đó, anh L bỏ chạy về hướng ngã ba Trị An còn anh T băng qua Quốc lộ 1 chạy vào đường hẻm thuộc ấp T, xã H 3, huyện T. N nói T đuổi theo anh T nên Tuấn tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N đuổi kịp anh T, Nc nhảy xuống xe dùng dao tự chế chém 01 nhát trúng vào tay trái của anh T rồi N điều khiển xe mô tô 73C1-066.78 chở T bỏ chạy về khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, N gọi điện thoại cho anh Đinh Ngọc H nhờ anh H mang áo khoác ra cho N mặc. Khi anh H mang áo khoác đến chỗ N và T thì bị lực lượng tuần tra của Công an phường L, thành phố B phát hiện nên đã đưa 03 người về trụ sở làm việc và chuyển hồ sơ cho công an xã H 3. Sau đó, Công an xã H 3 chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan

điều tra công an huyện Trảng Bom để giải quyết. Ngày 12/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp nhận và quyết định tạm giữ T và N để điều tra.

Hậu quả:

- Đối với anh Nguyễn Văn T: Tại Bản Kết luận giám định pháp y số 0379/TgT/2020 ngày 13/5/2020 và Bản Kết luận giám định pháp y số 0555/TgT/2020 ngày 13/7/2020 Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận đối với thương tích của anh Nguyễn Văn T là **50%** (năm mươi phần trăm). Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

- Đối với anh Trần Hoài Linh: Tại Bản Kết luận giám định pháp y số 0377/TgT/2020 ngày 15/5/2020 Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận đối với thương tích của anh Trần Hoài L là **17%** (mười bảy phần trăm). Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

Ngày 20/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trương Đức N và Trần Quốc T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 Luật Hình sự để điều tra theo qui định.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Hoài L là bà Lê Tú Tr và ông Trần Thanh Tyêu cầu Trương Đức N và Trần Quốc T bồi thường tổng số tiền 10.525.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu các Trương Đức N và Trần Quốc T bồi thường tổng số tiền 211.871.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 256/CT-VKS-HS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố các bị cáo Trương Đức N và Trần Quốc T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; đối với bị cáo N áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Đức N từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù; bị cáo Trần Quốc T từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

Xử lý vật chứng

+ Đề nghị Tòa tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế có cán dài 24cm được cuốn bằng dây vải dù màu trắng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản rộng 3cm, có 1 cạnh sắc, mũi dao nhọn kèm theo 01 bao kiếm bằng nhựa màu trắng.

+ Đối với xe mô tô biển số 60K4-2842 là xe mô tô anh L sử dụng khi bị N chém gây thương tích có giấy tờ hợp pháp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 01 căn cước công dân của Đinh Ngọc H không liên quan đến sự việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho H.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu đen, 01 Chứng minh nhân dân của Trương Đức N đề nghị Tòa tuyên trả lại cho bị cáo N.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 màu đen, 01 Căn cước công dân của Trần Quốc T, đề nghị Tòa tuyên trả lại cho bị cáo T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Excitex gắn biển số 73C1-066.78 có số máy: G3D4E324295, số khung: RLCUG0610GY30918 là xe N mua của 01 đối tượng không rõ nhân thân lai lịch tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô hiệu Yamaha Excitex có số máy: G3D4E324295, số khung: RLCUG0610GY30918 có biển số đăng ký là 60B6-410.59 do chị Hồ Vĩnh K đứng tên chủ sở hữu và chị K bị mất trộm vào ngày 25/12/2016 tại ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại là anh Trần Hoài L số tiền 10.525.000 đồng và anh Nguyễn Văn T số tiền 211.871.000 đồng.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trương Đức N, Trần Quốc T không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại (T), người đại diện hợp pháp của bị hại (L) không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng. Đối với sự vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Thanh T (là cha của anh L) do hiện nay không xác định được ông T đang ở đâu, làm gì. Tuy nhiên người đại diện hợp pháp của anh L là bà Lê Tú T đã đồng ý yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh L số tiền 10.525.000 đồng và không ai có ý kiến thắc mắc gì. Do vậy, việc vắng mặt ông T không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Đức N và Trần Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng số 256/CT.VKS-HS ngày

01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 00 giờ 50 phút giờ ngày 11/5/2020, tại ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trương Đức N và Trần Quốc Q có hành vi sử dụng 01 con tự chế có cán dài 24cm được cuốn bằng dây vải dù màu trắng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản rộng 3cm, có 1 cạnh sắc, mũi dao nhọn là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T với tỉ lệ thương tật là 50% (năm mươi phần trăm) và gây thương tích cho anh Trần Hoài L với tỉ lệ thương tật là 17% (mười bảy phần trăm).

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết định khung hình phạt “*dùng hung khí nguy hiểm*”, “*có tính chất côn đồ*” được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức đồng phạm giản đơn. Bị cáo N là người khởi xướng rủ rê bị cáo T tham gia phạm tội thể hiện ở việc, bị cáo N là người trực tiếp nói với bị cáo T đi lấy hung khí để tìm các bị hại gây thương tích, bị cáo Ngọc cũng là người trực tiếp gây ra thương tích 50% đối với anh Nguyễn Văn T và 17% đối với anh Nguyễn Văn L. Bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo N thể hiện ở việc bị cáo T là người đưa hung khí cho bị cáo N và điều khiển xe chở bị cáo N đi tìm các bị hại để gây thương tích.

[5.1] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

[5.2] Nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N đang có 01 tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “*tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả và được bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; đồng thời có ông nội là người có công với cách mạng (được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 222.396.000 đồng (trong đó anh L yêu cầu 10.525.000 đồng, anh T yêu cầu 211.871.000 đồng). Các bị cáo đồng ý với yêu cầu này của

bị hại nên Hội đồng xét xử nghi nhận. Trong vụ án này, bị cáo N là người khởi xướng việc gây ra thương tích, đồng thời là người trực tiếp chém gây thương tích cho bị hại, bị cáo T là người giúp sức tích cực cho bị cáo N. Do vậy, cần buộc hai bị cáo N, T cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho các bị hại theo quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự 2015. Do mức độ lỗi của bị cáo N cao hơn nên phần nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại của bị cáo N sẽ cao hơn bị cáo T. Cụ thể như sau:

[6.1] Đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh L: Bị cáo N và Tuấn có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh L số tiền 10.525.000 đồng; trong đó phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo N là 7.017.000 đồng; phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo T là 3.508.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mẹ bị cáo N đã bồi thường cho anh L số tiền 5.000.000 đồng nên phần nghĩa vụ còn lại của bị cáo N là 2.017.000 đồng.

[6.2] Đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh T: Bị cáo N và T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh T số tiền 211.871.000 đồng; trong đó phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo N là 141.247.000 đồng; phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo T là 70.624.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mẹ bị cáo N đã bồi thường cho anh T số tiền 30.000.000 đồng nên phần nghĩa vụ còn lại của bị cáo N là 111.247.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao tự chế có cán dài 24cm được cuốn bằng dây vải dù màu trắng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản rộng 3cm, có 1 cạnh sắc, mũi dao nhọn kèm theo 01 bao kiếm bằng nhựa màu trắng là hung khí gây ra thương tích cho bị hại, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu đen, 01 chứng minh nhân dân số 194547844 do công an Quảng Bình cấp ngày 30/12/2012 cho bị cáo Trương Đức N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 màu đen, 01 căn cước công dân số 044094003666 cấp ngày 17/02/2020 cho bị cáo Trần Quốc T. Đây là vật, tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên trả lại cho bị cáo N, T là đúng theo quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*):

- Tuyên bố bị cáo **Trương Đức N** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Đức N **06** (sáu) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 12/5/2020.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*):

- Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc T **05** (năm) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 12/5/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật dân sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế có cán dài 24cm được cuốn bằng dây vải dù màu trắng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản rộng 3cm, có 1 cạnh sắc, mũi dao nhọn kèm theo 01 bao kiếm bằng nhựa màu trắng.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu đen, 01 chứng minh nhân dân số 194547844 do công an Quảng Bình cấp ngày 30/12/2012 cho bị cáo Trương Đức N.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 màu đen, 01 Căn cước công dân số 044094003666 cấp ngày 17/02/2020 cho bị cáo Trần Quốc T.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Trảng Bom theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2020)

3. Căn cứ các Điều 584; 585; 587; 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trương Đức N và Trần Quốc T phải tiếp tục có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe của anh Nguyễn Văn T số tiền là: 181.871.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng); trong đó phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo N là 111.247.000 đồng (một trăm mười một triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo T là 70.624.000 đồng (bảy mươi triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng)

- Buộc bị cáo Trương Đức N và Trần Quốc T phải tiếp tục có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe của anh Trần Hoài L số tiền là: 5.525.000 đồng (năm triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo N là 2.017.000 đồng (hai triệu không trăm mười bảy nghìn đồng), phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo T là 3.508.000 đồng (ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trương Đức N, Trần Quốc T chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Trương Đức N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.663.200 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Quốc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.684.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (L), đại diện hợp pháp của bị hại (ông T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục thi hành án huyện;
- Bị cáo, bị hại; đương sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Và Kíu